

Số: *1852*/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày *08* tháng *9* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019);

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ); Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 3585/QĐ-BNN-VP ngày 18/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Lâm nghiệp, Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hà Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang (Có Danh mục và nội dung thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các Phó CTUBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, PVHCC.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ÁP DỤNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2021
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

A. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung


TT	Mã số TTHC gốc	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung việc sửa đổi, bổ sung TTHC
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh		
I	Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật (01 TTHC)		
1	1.003984	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 15/7/2021 của Bộ Tài Chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp.
B	Thủ tục hành chính cấp huyện		
I	Lĩnh vực: Lâm nghiệp (01 TTHC)		
1	3.000154	Xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục Hải quan	Thông tư số 14/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh.






Phần II.
NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH



I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Mã thủ tục: 1.003984				
Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật.				
1. Cấp thực hiện: Cấp tỉnh.				
2. Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật.				
3. Trình tự thực hiện:				
3.1	Gửi (nộp) hồ sơ TTHC			
<p>Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận chuyển vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ vùng bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật (khách hàng) gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật (vận chuyển nội địa) đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>				
Cách thức thực hiện: Nộp Trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích (BCCI) hoặc DVC trực tuyến mức độ 4.				
Địa điểm gửi hồ sơ: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ (http://dichvucong.hagiang.gov.vn).				
Thành phần hồ sơ:				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Mẫu thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa (theo mẫu qui định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT).	 Giấy dkkdtv vcnd.docx	Bản chính văn bản giấy hoặc bản điện tử được ký số	01

	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
3.2	Giải quyết hồ sơ TTHC			
Bước 1: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ của khách hàng, kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.				
Bước 2: Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV chủ trì, căn cứ yêu cầu giải quyết hồ sơ, giao nhiệm vụ cho Trạm Kiểm dịch thực vật Nội địa giải quyết hồ sơ.				
Bước 3: Căn cứ vào kết quả kiểm tra hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với lô vật thể chuyên từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật khách hàng. Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa quyết định địa điểm kiểm tra và bố trí CCVC, kiểm tra ngay lô vật thể.				
Bước 4: Chi cục Trồng trọt và BVTV cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa; chuyển kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công để trả cho khách hàng: 24 giờ kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật thì Chi cục Trồng trọt và BVTV phải phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho khách hàng biết.				
Bước 5: Khách hàng thực hiện thanh toán tiền phí, lệ phí theo quy định tại Công dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ (http://dichvucong.hagiang.gov.vn) hoặc thanh toán trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.				
Bước 6: Sau khi nhận được tiền phí, lệ phí, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công để trả cho khách hàng.				
Cách thức trả kết quả: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI hoặc qua địa chỉ thư điện tử khách hàng đã đăng ký.				
Địa điểm trả kết quả: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ BCCI tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) hoặc qua địa chỉ thư điện tử khách hàng đã đăng ký trên Công dịch vụ công của tỉnh (http://dichvucong.hagiang.gov.vn).				
Kết quả giải quyết:				
STT	Tên kết quả TTHC	Mẫu kết quả TTHC	Tiêu chuẩn	Số lượng

1	Giấy chứng nhận Kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (Theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT- NNPTNT.	 PL II TT 33.docx	Bản chính văn bản giấy hoặc bản điện tử được ký số	01
4	Thời hạn giải quyết: - Theo quy định của pháp luật: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Theo thực tế tại địa phương: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5	Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận chuyển vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ vùng bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật.			
6	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật). - Cơ quan có thẩm quyền: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).			
7	Phí, lệ phí (nếu có): Không			
8	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.			
9	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: - Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTN ngày 14/10/2015; - <i>Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</i> - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 26/10/2016; - <i>Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí.</i> - <i>Quyết định số 3585/QĐ-BNN-VP ngày 18/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí.</i>			



II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN


Mã thủ tục: 3.000154				
Tên thủ tục: Xác nhận bảng kê gõ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục Hải quan				
1. Cấp thực hiện: Cấp huyện.				
2. Lĩnh vực: Lâm nghiệp.				
3. Trình tự thực hiện:				
3.1	Gửi (nộp) hồ sơ TTHC			
Tổ chức, cá nhân (khách hàng) thực hiện việc khai báo Hải quan và xuất trình hồ sơ Hải quan (nếu có), xuất trình thực tế hàng hoá (nếu có) cho cơ quan Hải quan.				
Cách thức thực hiện: Qua Dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan).				
Địa điểm gửi hồ sơ: Cơ quan Hải quan cửa khẩu nơi thông quan.				
Thành phần hồ sơ:				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Mẫu thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu.	 PHỤ LỤC II- chỉ tiêu thông tin khai báo	Văn bản điện tử được ký số	01
	Trường hợp thực hiện trên tờ khai Hải quan giấy theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP	 Mautokhaihaiquan nhập khẩu TT38201		02
2	Hóa đơn thương mại trong trường hợp người mua phải thanh toán cho người bán. Trường hợp chủ hàng mua hàng từ người bán tại Việt Nam nhưng được người bán chỉ định nhận hàng từ nước		Văn bản điện tử được ký số	01

	<p>ngoài thì cơ quan hải quan chấp nhận hóa đơn do người bán tại Việt Nam phát hành cho chủ hàng. Người khai hải quan không phải nộp hóa đơn thương mại trong các trường hợp sau:</p> <p>(1) Người khai hải quan là doanh nghiệp ưu tiên; (2) Hàng hóa nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài, người khai hải quan khai giá tạm tính tại ô “Trị giá hải quan” trên tờ khai hải quan; b.3) Hàng hóa nhập khẩu không có hóa đơn và người mua không phải thanh toán cho người bán, người khai hải quan khai trị giá hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về xác định trị giá hải quan.</p>			
3	<p>Vận tải đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương đối với trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt, vận tải đa phương thức theo quy định của pháp luật (trừ hàng hoá nhập khẩu qua cửa khẩu biên giới đường bộ, hàng hoá mua bán giữa khu phi thuế quan và nội địa, hàng hóa nhập khẩu do người nhập cảnh mang</p>		Bản sao điện tử	01

	<p>theo đường hành lý).</p> <p>Đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ cho hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí được vận chuyển trên các tàu dịch vụ (không phải là tàu thương mại) thì nộp bản khai hàng hoá (cargo manifest) thay cho vận tải đơn.</p>			
4	<p>Giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu;</p> <p>- Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan trường hợp nhập khẩu một lần;</p> <p>- Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan kèm theo Phiếu theo dõi trừ lùi nếu nhập khẩu nhiều lần, đối với trường hợp nhập khẩu nhiều lần;</p>		<p>- Văn bản điện tử được ký số (nhập khẩu 01 lần);</p> <p>- Bản sao chứng thực điện tử (nhập khẩu nhiều lần).</p>	01
5	<p>Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc Giấy thông báo kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.</p> <p>Đối với chứng từ quy định tại khoản 4, khoản 5 nêu trên nếu áp dụng cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành gửi giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra, miễn kiểm tra chuyên ngành dưới dạng điện tử thông qua</p>		<p>Văn bản điện tử được ký số.</p>	01

	Công thông tin một cửa quốc gia, người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan.			
6	Tờ khai trị giá. (Đối với trường hợp khai trên tờ khai Hải quan giấy, người khai phải nộp 02 bản chính).		Văn bản điện tử được ký số.	01
7	<p>Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa (Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hoặc chứng từ dưới dạng dữ liệu điện tử trong các trường hợp sau:</p> <p>(1) Hàng hoá có xuất xứ từ nước hoặc nhóm nước có thoả thuận về áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt với Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia, nếu người nhập khẩu muốn được hưởng các chế độ ưu đãi đó;</p> <p>(2) Hàng hoá thuộc diện do Việt Nam hoặc các tổ chức quốc tế thông báo đang ở trong thời điểm có nguy cơ gây hại đến an toàn xã hội, sức khoẻ của cộng đồng hoặc vệ sinh môi trường cần được kiểm soát;</p> <p>(3) Hàng hoá nhập khẩu</p>		Văn bản điện tử được ký số.	01

	<p>từ các nước thuộc diện Việt Nam thông báo đang ở trong thời điểm áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế chống phân biệt đối xử, thuế tự vệ, thuế suất áp dụng theo hạn ngạch thuế quan;</p> <p>(4) Hàng hoá nhập khẩu phải tuân thủ các chế độ quản lý nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>Trường hợp theo thoả thuận về áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt với Việt Nam hoặc theo các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định về việc nộp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu là chứng từ điện tử hoặc Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa của người sản xuất/người xuất khẩu/người nhập khẩu thì cơ quan hải quan chấp nhận các chứng từ này.</p>			
8	<p>Bảng kê gỗ nhập khẩu theo Mẫu số 01 hoặc Bảng kê nhập khẩu gỗ nhập khẩu theo Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống</p>	<p> Mẫu số 01, Phụ lục I.docx</p> <p> Mẫu số 2, Phụ lục I.docx</p>	<p>Văn bản điện tử được ký số.</p>	01

	bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam			
9	Một trong các tài liệu sau:			
9.1	Trường hợp gỗ thuộc Phụ lục CITES: Giấy phép CITES xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES nước xuất khẩu hoặc nước tái xuất khẩu cấp; Giấy phép CITES nhập khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp.		Bản sao chứng thực điện tử	01
9.2	Trường hợp gỗ nhập khẩu từ quốc gia đã ký kết Hiệp định gỗ hợp pháp với EU và đang vận hành hệ thống cấp phép FLEGT: Giấy phép FLEGT xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp;		Bản sao chứng thực điện tử	01
9.3	Trường hợp lô hàng gỗ nhập khẩu không thuộc quy định tại điểm 9.1 hoặc điểm 9.2 khoản này: Bảng kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu theo.	 Mẫu số 3, Phụ lục l.docx	Văn bản điện tử được ký số.	01
	Số lượng hồ sơ:			
3.2	Giải quyết hồ sơ TTHC			

Bước 1: Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi thông quan tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân (khách hàng), kiểm tra, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ: Ngay sau khi

người khai hải quan nộp hồ sơ.

Bước 2: Chi cục Hải quan nơi cửa khẩu thông quan kiểm tra thực tế hàng hoá, phương tiện vận tải. Thời hạn hoàn thành thành kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hoá, phương tiện vận tải:

+ Hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ chậm nhất là 02 giờ làm việc kể từ thời điểm cơ quan hải quan tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hải quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hoá chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ thời điểm người khai hải quan xuất trình đầy đủ hàng hoá cho cơ quan hải quan. Trường hợp hàng hoá thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật có liên quan thì thời hạn hoàn thành kiểm tra thực tế hàng hoá được tính từ thời điểm nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định. Trường hợp lô hàng có số lượng lớn, nhiều chủng loại hoặc việc kiểm tra phức tạp thì Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan quyết định việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế hàng hoá, nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 02 ngày.

Sau khi hoàn thành thủ tục thông quan, Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi thông quan xác nhận nội dung chủ gỗ đã kê khai.

Cách thức thực hiện: Qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan

Địa điểm gửi hồ sơ: Cơ quan Hải quan cửa khẩu nơi thông quan.

Kết quả giải quyết:

STT	Tên kết quả TTHC	Mẫu kết quả TTHC	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Bảng kê gỗ nhập khẩu hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ nhập khẩu có xác nhận trực tiếp của Hải quan.		Văn bản điện tử có ký số	01
4	Thời hạn giải quyết: - Theo quy định của pháp luật: Ngay sau khi hoàn thành thủ tục thông quan. - Theo thực tế tại địa phương: Ngay sau khi hoàn thành thủ tục thông quan.			
5	Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.			
6	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: - Cơ quan thực hiện: Cơ quan Hải quan nơi cửa khẩu thông quan.			

	- Cơ quan có thẩm quyền: Cơ quan Hải quan nơi cửa khẩu thông quan.
7	Phí, lệ phí (nếu có): 20.000 đồng/tờ khai .
8	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.
9	<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỡ hợp pháp Việt Nam; - Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới/thủ tục hành chính thay thế/thủ tục hành chính bãi bỏ/thủ tục hành chính giữ nguyên trong lĩnh vực Hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính (mã hồ sơ thủ tục hành chính số 1.006440 được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia); - <i>Thông tư số 14/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh.</i> - Quyết định số 4044/QĐ-BNN-TCLN ngày 14/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; Công văn số 7271/BNN-VP ngày 20/10/2020 của Bộ NNPTNT V/v đính chính Phụ lục văn bản; - <i>Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí.</i> - <i>Quyết định số 3585/QĐ-BNN-VP ngày 18/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí.</i>

